

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày ... tháng ... năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương)

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt, nước rửa tay PTN

+ Nguồn số 02: Nước thải đập bụi lò hơi; tuần hoàn tái sử dụng và không thải ra ngoài môi trường

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của CCN Ba Hàng thuộc phường Nam Đồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

##### 2.2. Vị trí xả nước thải

- Hệ thống thoát nước chung của CCN Ba Hàng thuộc phường Nam Đồng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}00'$ , múi chiều  $6^{\circ}$ ): X(m): 2318020; Y(m): 641415.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $5 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ;  $0,21 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

2.3.1. Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý theo đường ống PVC D70 tự chảy vào hệ thống thoát nước của CCN

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24/24h

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT, mức B- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/ BTNMT, mức B	Giá trị cho phép C <sub>max</sub> (hệ số k=1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	5-9	Nhà máy không nằm trong danh mục các dự án cần quan trắc định kỳ chất lượng
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	50	60	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	120	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	1200	
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4.0	4,8	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	12	
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	40	48	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	24	

9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	12	nước thải.
10	Phosphat ( $\text{PO}_4^{3-}$ ) (tính theo P)	mg/l	10	12	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	5.000	

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

*1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:*

Thu gom nước thải từ khu nhà ăn và khu nhà văn phòng bằng đường ống PVC/HDPE D50-D60 về hệ thống XLNT.

*1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn → bể điều hòa → bể xử lý sinh học hiếu khí → hệ thống thoát nước của CCN

- Công suất thiết kế: 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm

*1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:*

Nhận chuyên gia và đào tạo nhân lực để vận hành trạm xử lý nước thải theo hướng dẫn của nhà cung cấp hệ thống và thiết bị; vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị; luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao để kịp thời thay thế khi hỏng hóc; bố trí công nhân chịu trách nhiệm vận hành liên tục theo dõi, ghi chép vào sổ nhật ký vận hành đối với từng hệ thống, khi phát hiện sự cố báo cáo ngay với người chủ quản để đưa ra giải pháp khắc phục kịp thời.

## Phụ lục 2

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày ... tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

### 1. Nguồn phát sinh khí thải:

+ Đối với dây chuyền sản xuất 01 (đã lắp đặt)

Nguồn số 01: Ống phóng không khu vực nạp liệu dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Nguồn số 02: Ống phóng không khu vực nghiền dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Nguồn số 03: Ống phóng không khu vực ép viên dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Nguồn số 04: Ống khói lò hơi 01

+ Đối với dây chuyền sản xuất 02 (chưa lắp đặt)

Nguồn số 05: Ống phóng không khu vực nạp liệu dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Nguồn số 06: Ống phóng không khu vực nghiền dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Nguồn số 07: Ống phóng không khu vực ép viên dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Nguồn số 08: Ống khói lò hơi 02

### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải: 08 dòng khí thải

+ Đối với dây chuyền sản xuất 01

++ Dòng 01: Ống phóng không khu vực nạp liệu dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.

++ Dòng 02: Ống phóng không khu vực nghiền dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.

++ Dòng 03: Ống phóng không khu vực ép viên dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.

++ Dòng số 04: Ống khói lò hơi 01

+ Đối với dây chuyền sản xuất 02

++ Dòng 05: Ống phóng không khu vực nạp liệu dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.

++ Dòng 06: Ống phóng không khu vực nghiền dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.

++ Dòng 07: Ống phóng không khu vực ép viên dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.

++ Dòng số 08: Ống khói lò hơi 02

- Vị trí xả khí thải (tọa độ vị trí xả khí thải theo hệ tọa độ VN 2000, theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>00</sup>, múi chiều 6<sup>0</sup>)

+ Đối với dây chuyền sản xuất 01 (đã lắp đặt)

++ Dòng 01: Ống phóng không khu vực nạp liệu dây chuyền sản xuất

thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm – X(m): 2318109; Y(m): 641432

++ Dòng 02: Ống phóng không khu vực nghiền dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm – X(m): 2318108; Y(m): 641426

++ Dòng 03: Ống phóng không khu vực ép viên dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm – X(m): 2318115; Y(m): 641422

++ Dòng số 04: Ống khói lò hơi 01 – X(m): 2318134; Y(m): 641404

+ Đối với dây chuyền sản xuất 02 (chưa lắp đặt)

++ Dòng 05: Ống phóng không khu vực nạp liệu dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm -X(m): 2318144; Y(m): 641477

++ Dòng 06: Ống phóng không khu vực nghiền dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm-X(m): 2318142; Y(m): 641476

++ Dòng 07: Ống phóng không khu vực ép viên dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm -X(m): 2318143; Y(m): 641472

++ Dòng số 08: Ống khói lò hơi 02 -X(m): 2318165; Y(m): 641463

- Phương thức xả khí thải: Cường bức bằng các quạt hút ly tâm; xả thải 24/24h

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, mức B-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT mức B	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	200	6 tháng/lần
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500	
3	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850	
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1000	

+ Đối với dòng khí thải 1, 2, 4, 5, 6, 8 các chất ô nhiễm đạt giá trị C<sub>max</sub> của QCVN 19:2009/BTNMT, mức B với K<sub>p</sub> = 1,0; K<sub>v</sub> = 1,0.

+ Đối với dòng khí thải 3,7 các chất ô nhiễm đạt C<sub>max</sub> của QCVN 19:2009/BTNMT, mức B với K<sub>p</sub> = 0,9; K<sub>v</sub> = 1,0.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

+ Đối với dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm số 01 đã lắp đặt

- Khu vực nạp liệu:

Tại vị trí nạp liệu của mỗi dây chuyền, lắp đặt hệ thống thu hồi, xử lý bụi theo sơ đồ và nguyên lý như sau: Chụp hút → Đường ống hút → Thiết bị xử lý bụi (Lọc bụi túi) → Quạt hút → Môi trường.

Vị trí lắp đặt: Tại 01 phễu nạp liệu; số lượng: 01 thiết bị lọc bụi túi.

+ Thông số kỹ thuật hệ thống như sau:

++ Chụp hút: 3000x1100mm

++ Lọc bụi túi: 01 cái, kích thước 2500×1600mm; số lượng túi vải: 54 túi;

Kích cỡ túi lọc:  $\Phi 130 \times 2200$ .

++ Quạt hút: 01 quạt có công suất 11 kW tương ứng lưu lượng 11.000 m<sup>3</sup>/h.

++ Đường ống xả: Ống tròn bằng thép  $\Phi 300$ mm; dài 4,1 m;

Xuất xứ của hệ thống: Việt Nam

- *Khu vực nghiền:*

Tại 01 máy nghiền lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi có quy trình xử lý như sau:

Bụi phát sinh từ khu vực nghiền → Chụp hút và đường ống hút → Thiết bị xử lý bụi (Lọc túi vải) → Quạt hút → Môi trường.

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý bụi khu vực nghiền:

+ Quạt hút: 01 quạt; công suất 30A; lưu lượng 5.800 m<sup>3</sup>/giờ

+ Thiết bị lọc bụi túi: Vật liệu chế tạo: Thép, sơn chống gỉ; Kích thước: DxH = 1,5x3,3m; Số lượng túi vải: 54 túi lọc; Kích cỡ túi lọc:  $\Phi 130 \times 2200$ . Xuất xứ: Việt Nam

+ Đường ống xả: Ống tròn bằng thép  $\Phi 300$ ; dài 13 m.

Xuất xứ của hệ thống: Việt Nam

- *Khu vực ép viên và làm nguội:*

Lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi bằng cyclone dây chuyền theo quy trình: Chụp hút → Đường ống hút → Cyclon → Quạt hút → Môi trường.

Thông số kỹ thuật (dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm) như sau:

++ Cyclone: Vật liệu chế tạo: Thép, sơn chống gỉ; Kích thước: DxH = 1,4x3,453m; Số lượng: 01 thiết bị; Xuất xứ: Việt Nam.

++ Quạt hút: công suất P = 22 KW lưu lượng 22.000 m<sup>3</sup>/giờ;

+ Đường ống xả: Ống tròn bằng thép  $\Phi 600$ ; dài 15 m.

**\* Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải khu vực lò hơi**

Công ty sử dụng lò hơi công suất 1,5 tấn/h có thiết bị lọc bụi đi kèm. Hệ thống xử lý khí thải đã được lắp đặt đi kèm đồng bộ với lò hơi với sơ đồ công nghệ như sau: Than → Lò hơi → Cyclon → Quạt hút → Bể dập bụi bằng nước → Ống khói → Môi trường. Bụi, khí thải (CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>) sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (mức B).

- Thông số kỹ thuật:

+ Cyclon: 01 chiếc, chiều cao 3,45 m, đường kính 1,4 m.

+ Quạt hút: 01 chiếc, công suất quạt hút 5,5 kW, lưu lượng 5.000 m<sup>3</sup>/h.

+ Bể dập bụi ướt:

+ Ống khói: 01 cái, chiều cao 15 m, đường kính 300mm.

+ ***Đối với dây chuyền sản xuất 02 chưa lắp đặt***

Đối với dây chuyền sản xuất 02: có quy mô công suất tương tự dây chuyền số 01. Do đó các hệ thống xử lý bụi và khí thải đi kèm tương tự như dây chuyền 01.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày ... tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Dây chuyền, máy móc thiết bị sản xuất, quạt hút ly tâm, xe nâng hạ sản phẩm

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

*(Vị trí tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°00', múi chiếu 6°).*

+ Dây chuyền sản xuất 01: X(m) 2318114; Y(m): 641427

+ Dây chuyền sản xuất 02: X(m) 2318147; Y(m): 641473

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn (QCVN 24:2016/BYT và QCVN 26:2010/BTNMT); độ rung (QCVN 27:2016/BYT và QCVN 27:2010/BTNMT). Cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	1 năm/lần	<i>Khu vực đặc biệt</i>
2	70	55		<i>Khu vực thông thường</i>

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	75	Mức nền	1 năm/lần	<i>Khu vực đặc biệt</i>
2	75	Mức nền		<i>Khu vực thông thường</i>

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Nhà xưởng và hệ thống máy móc sản xuất đảm bảo độ ồn và rung động đạt quy chuẩn cho phép và đảm bảo khả năng cách âm giữa khu vực sản xuất với làm việc cũng như khu vực ngoài của Cơ sở.

- Che chắn nhà xưởng để làm giảm độ ồn ra môi trường xung quanh, kiểm tra định kỳ các thiết bị, hệ thống bằng cách bảo dưỡng, bôi trơn.

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị. Thông thường, chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 4 – 6 tháng/lần, thiết bị cũ là 3 tháng/lần.

- Đơn vị có chế độ bảo dưỡng máy móc thường xuyên, chống mòn các chi tiết quay, gây ồn. Chi tiết hỏng do mòn, rỉ sẽ được thay thế kịp thời.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số... ngày ... tháng 3 năm 2022 của  
Ủy ban thành phố Hải Dương)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	12
2	Hộp mực in thải	080204	9
3	Pin, ắc quy thải	190601	14
4	Dầu thủy lực của các xe nâng hàng thải	17 01 06	160
5	Dầu thải của các hộp số, động cơ xe nâng	17 02 03	200
6	Bao bì dính nhiễm thành phần nguy hại	18 01 01	150
7	Giẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	90

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

TT	Tên chất thải	Đơn vị	Số lượng
1	Nguyên liệu rơi vãi, hỏng hết hạn sử dụng trong quá trình vận chuyển, sản xuất, đóng bao	kg/năm	429
2	Bao bì rách, hỏng phát sinh trong quá trình đóng bao; tạp chất đá, kim loại trong quá trình tách	kg/năm	286
3	Thùng phuy chứa dầu cọ, khô dầu...	kg/năm	643
4	Bùn thải từ các bể tự hoại	kg/năm	143
5	Xỉ than	kg/năm	5357
6	VSV và thiết bị trong quá trình kiểm soát vi sinh vật và động vật có hại	kg/năm	143
7	Cặn lắng nước thải đập thải lò hơi	kg/năm	143

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh**

Rác thải sinh hoạt chủ yếu là vỏ bao bì đựng thức ăn, thức ăn thừa hỏng phát sinh khoảng 15 kg/ngày.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí 07 thùng rác 25-50 lít

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 10 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Sử dụng một phần

diện tích nhà xưởng để bố trí khu vực lưu trữ CTNH.

- Hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường xanh Minh Phúc thu gom và xử lý.

## **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí 10 thùng thùng rác 25-50 lít xung quanh nhà xưởng

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 30 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo khu vực lưu chứa trong nhà: Sử dụng một phần diện tích nhà xưởng để bố trí khu vực lưu trữ chất thải rắn công nghiệp

- Hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường xanh Minh Phúc thu gom và xử lý.

## **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: bố trí 03 thùng rác 25-50 lít tại khu vực nhà ăn ca

- Hợp đồng vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt với Công ty cổ phần môi trường đô thị Hải Dương

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

### *1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải*

Nhận chuyển giao và đào tạo nhân lực để vận hành trạm xử lý nước thải theo hướng dẫn của nhà cung cấp hệ thống và thiết bị; vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị; luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao để kịp thời thay thế khi hỏng hóc; bố trí công nhân chịu trách nhiệm vận hành liên tục theo dõi, ghi chép vào sổ nhật ký vận hành đối với từng hệ thống, khi phát hiện sự cố báo cáo ngay với người chủ quản để đưa ra giải pháp khắc phục kịp thời.

### *2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải khí thải*

+ Nội dung quy trình và hành động ứng phó: Lắp máy phát điện dự phòng sự cố; Sử dụng các thiết bị dự phòng như túi lọc bụi, quạt hút; Duy trì biện pháp duy tu bảo dưỡng định kỳ: Định kỳ 1 năm /lần sẽ kiểm tra, bảo dưỡng tổng thể.

+ Biện pháp khắc phục: Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố; Thông báo cho người phụ trách kỹ thuật - an toàn - sức khỏe - lao động của Công ty; Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/ khắc phục sự cố; Xác định chất lượng khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố. Chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn; Nhân viên vận hành hệ thống phải thường xuyên theo dõi hoạt động của thiết bị, kịp thời báo cáo khi hư hỏng.